

Số: 2181/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 21 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 140/TTr-SNN&PTNT ngày 13/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Vĩnh Long (kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh, các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tại Điều 1 theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- CT. UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT.4.21.05.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Liệt

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Vĩnh Long

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

Thực hiện Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Yêu cầu

Đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường, cấp nước sạch, an toàn thực phẩm, để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo định hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân thông minh, nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân nông thôn.

Tập trung nguồn lực, có trọng điểm của nhà nước và đẩy mạnh huy động nguồn lực của xã hội cho công tác bảo vệ môi trường, cấp nước sạch nông thôn và đảm bảo an toàn thực phẩm theo nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ nguồn lực các khu vực khó khăn.

Khuyến khích quản lý chất thải từ khi phát sinh đến khi xử lý cuối cùng theo hướng kinh tế tuần hoàn, khép kín, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương. Xác định các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện nhằm tổ chức có hiệu quả bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.

Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, địa phương; kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong triển khai thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện hiệu quả nội dung vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, góp phần tạo ra môi trường sống ở nông thôn an toàn và bền vững; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; góp phần bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, đưa nông thôn trở thành nơi đáng sống.

2. Mục tiêu cụ thể đến 2025

- Tối thiểu 95% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nước sinh hoạt; đảm bảo cấp nước sạch sinh hoạt quy mô hộ gia đình cho các hộ dân tại những khu vực chưa có khả năng tiếp cận với nước cấp tập trung, vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn.

- Ít nhất 50% số hộ nông thôn triển khai các giải pháp phân loại chất thải tại nguồn; 88% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý; triển khai 1 mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp tỉnh với công nghệ phù hợp.

- Ít nhất 15% số hộ nông thôn có nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp, hiệu quả; 50% số đơn vị cấp huyện có triển khai mô hình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phi tập trung theo cụm hoặc theo khu vực phù hợp, hiệu quả.

- Ít nhất 80% chất thải chăn nuôi và 60% phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Có 95% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Có 100% chất thải rắn và 50% nước thải sản xuất của các làng nghề truyền thống được thu gom và xử lý theo quy định.

- Ít nhất 35% số huyện có đề án cải tạo chất lượng môi trường nước mặt khu vực công cộng và có mô hình xây dựng hoặc cải tạo cảnh quan ao hồ.

- Có 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm; 80% số xã có tổ cộng đồng tự quản về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Ít nhất 85% hộ gia đình nông thôn và 95% trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh được xây dựng và quản lý sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác thông tin, tuyên truyền đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động

a) Các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về vai trò của Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

b) Chuyển đổi tư duy nhận thức, kiến thức, pháp luật, hành động của người dân, cán bộ nông thôn mới các cấp về các tác động của môi trường, an toàn thực phẩm, nước sạch đến sức khỏe của con người và các hoạt động sản xuất.

c) Đa dạng hóa các hình thức truyền thông về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn, phát huy hiệu quả của truyền thông đa phương tiện, mạng xã hội và các hình thức truyền thông mới; xây dựng các chương trình chuyên đề, chuyên mục định kỳ về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn, phát sóng định kỳ trên các đài truyền hình, truyền thanh, báo viết, báo điện tử.

d) Phát động các phong trào thi đua chuyên đề để biểu dương, tôn vinh, khen

thường đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có giải pháp, sáng kiến nhằm giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; tổ chức các cuộc thi nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp.

đ) Đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên tại cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn và vận hành các công trình cấp nước và xử lý chất thải.

e) Xây dựng các bộ sản phẩm truyền thông mẫu, thiết kế mẫu về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn. Cập nhật, đưa tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay để phổ biến và nhân rộng.

2. Cấp nước sạch nông thôn

a) Rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung cấp nước sạch nông thôn vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt nông thôn bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, suy thoái nguồn nước.

b) Hỗ trợ đầu tư một số mô hình cấp nước sạch tại các vùng khó khăn về nguồn nước (vùng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn).

c) Tiếp tục đầu tư xây dựng mới và sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sạch tập trung đã có lồng ghép trong Kế hoạch cấp nước an toàn và kế hoạch đầu tư phát triển ngành nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2021-2025 (trong đó tập trung nâng cấp công nghệ xử lý chất lượng nước, nâng công suất, mở rộng mạng lưới cấp nước, ổn định nguồn nước khai thác trong điều kiện ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu).

d) Tiếp tục nối mạng, phân tuyến ống cấp nước giữa các trạm còn thừa công suất với trạm đã hết và vượt công suất nhằm phát huy tối đa hiệu quả đầu tư, đảm bảo chất lượng nước cấp đạt quy chuẩn, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân;

đ) Ứng dụng các công nghệ cấp nước hiện đại có khả năng xử lý mặn phù hợp với điều kiện ở địa phương nhằm cung cấp nước đạt tiêu chuẩn, hiệu quả; đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng năng lượng tái tạo trong cấp nước nông thôn với điều kiện biến đổi khí hậu; chuyển giao công nghệ cấp nước, trữ nước cho hộ gia đình.

e) Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực quản lý nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình cấp nước cho cán bộ nghiệp vụ, nhân viên quản lý vận hành trạm cấp nước.

3. Chất thải rắn sinh hoạt

a) Hỗ trợ kỹ thuật, trang thiết bị, chế phẩm sinh học để thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình; xây dựng và triển khai mô hình phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với các địa bàn có mật độ dân cư khác nhau và mục đích sử dụng chất thải sau phân loại.

b) Tổ chức mạng lưới thu gom triệt để và hiệu quả; hình thành và hoàn thiện các phương thức thu gom phù hợp với đặc thù của từng địa phương; bố trí và đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phù hợp; trang bị các phương tiện, trang thiết bị lưu chứa rác tại khu vực công cộng đảm bảo thuận tiện, thân thiện môi trường và mỹ quan.

c) Xây dựng, triển khai và hoàn thiện mô hình liên kết thị trường để thu hồi, sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm tái chế, tái sử dụng từ chất thải (như sản phẩm phân bón hữu cơ...).

d) Hỗ trợ đầu tư xây dựng từ 01 - 02 mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô

cấp huyện hoặc liên huyện, áp dụng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

4. Nước thải sinh hoạt

a) Rà soát, xây dựng phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, lồng ghép trong quy hoạch xây dựng nông thôn của xã và triển khai thực hiện các công trình thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án đã được xây dựng.

b) Xây dựng và nhân rộng các mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn phù hợp với đặc thù của từng địa phương.

c) Triển khai thí điểm một số mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn áp dụng công nghệ sinh thái, chi phí thấp; mô hình thu phí xử lý nước thải sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn.

5. Chất thải và phụ phẩm nông nghiệp

a) Xây dựng và nhân rộng các mô hình xử lý chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn chất thải cho mục đích sản xuất nông nghiệp và các mục đích khác.

b) Mô hình cung cấp, trao đổi chất thải chăn nuôi để hình thành thị trường trao đổi chất thải hoặc chuyển giao cho đơn vị sản xuất các loại phân hữu cơ.

c) Xây dựng và nhân rộng mô hình quản lý chất thải nhựa trong sản xuất nông nghiệp.

6. Bao gói thuốc bảo vệ thực vật

a) Đầu tư trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện thu gom, lưu trữ và vận chuyển bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, đảm bảo không phát tán ra môi trường.

b) Hoàn thiện công nghệ và xây dựng các mô hình thí điểm ứng dụng công nghệ về xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng thành chất thải thông thường.

c) Hoàn thiện và nhân rộng các mô hình quản lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng phù hợp với điều kiện từng địa phương.

7. Bảo vệ môi trường làng nghề

a) Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp, xây dựng và vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn phù hợp đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường với từng làng nghề truyền thống, tập trung vào nhóm các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi, giết mổ.

b) Hỗ trợ xây dựng mô hình khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng; xử lý ô nhiễm các khu vực làng nghề đã bị ô nhiễm nghiêm trọng sau khi di dời cơ sở sản xuất.

8. Cảnh quan môi trường nông thôn

a) Xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện đề án cấp huyện về cải tạo chất lượng và cảnh quan môi trường nước mặt khu vực công cộng; tổ chức theo dõi diễn biến chất lượng nước ao, hồ công cộng nằm trong khu dân cư nông thôn; cải tạo cảnh quan và khôi phục chất lượng môi trường nước khi bị ô nhiễm.

b) Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình cải tạo cảnh quan theo hướng đa chức năng; tăng cường trồng cây xanh tại các khu vực công cộng, tuyến đường giao thông; gắn xây dựng cảnh quan với phát triển du lịch nông thôn và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

9. An toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

a) Các xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao có đề án sản xuất nông nghiệp hữu cơ được phê duyệt.

b) Hỗ trợ xây dựng các mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm tại các huyện, các điểm bán thực phẩm đạt tiêu chí vệ sinh an toàn thực phẩm tại các chợ. Khuyến khích các địa phương đã có mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm tiếp tục nhân rộng mô hình trên địa bàn.

c) Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực giám sát của cộng đồng về an toàn thực phẩm; phát triển các tổ cộng đồng tự quản về vệ sinh an toàn thực phẩm; tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức và năng lực về tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm cho chủ thể sản xuất.

10. Công tác vệ sinh

a) Từng bước xóa bỏ nhà tiêu không hợp vệ sinh, cầu tiêu ao cá, chú trọng vệ sinh an toàn cho phụ nữ và các đối tượng dễ bị tổn thương, tiếp cận vệ sinh cho người khuyết tật; huy động, vận động hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xây dựng, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

b) Hoàn thiện, phổ biến và nhân rộng các mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; áp dụng thí điểm mô hình nhà vệ sinh đa năng tại một số trường học, nhà văn hóa, công sở.

IV. NGUỒN VỐN VÀ CƠ CẤU VỐN

1. Nguồn vốn thực hiện Chương trình

- Vốn ngân sách trung ương của Chương trình được bố trí trong kế hoạch vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Vốn ngân sách địa phương.

- Vốn xã hội hóa (các doanh nghiệp, hợp tác xã, các loại hình kinh tế khác, cộng đồng dân cư...).

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

- Vốn huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí quản lý, giám sát thực hiện Chương trình ở các cấp: Được trích từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của các cấp được giao hàng năm.

3. Cơ chế tài chính của Chương trình: Thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định của pháp luật hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã và đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện theo hướng dẫn của Chương trình và thực hiện tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện Chương trình, yêu cầu của cơ quan trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện các mô hình có liên quan thuộc Chương trình; triển khai xây dựng mô hình về nước sạch nông thôn, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

- Phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan tham mưu ưu tiên phân bổ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho việc thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường nông thôn trong phạm vi Chương trình; triển khai các chính sách ưu đãi, hỗ trợ để thực hiện Chương trình; vận động các nguồn lực khác, nhất là vận động doanh nghiệp để tham gia xây dựng các mô hình có liên quan.

- Triển khai các mô hình thí điểm thuộc Chương trình được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và các cơ chế, chính sách, hướng dẫn của trung ương và địa phương để thực hiện Chương trình.

- Hướng dẫn và triển khai các nội dung về cung cấp nước sạch nông thôn, xử lý chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp; cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn; an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các Sở, ngành, UBND các huyện, thị hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các địa phương triển khai thực hiện Chương trình theo đúng tiến độ và quy định hiện hành.

- Hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới (nội dung 17.2, 17.3, 17.6, 17.7, 17.8, 17.11, 17.12 tiêu chí Môi trường đối với xã nông thôn mới; nội dung 17.1, 17.2, 17.3, 17.4, 17.5, 17.6, 17.10, 17.12, 18.7, 18.8 tiêu chí Môi trường đối với xã nông thôn mới nâng cao); triển khai các nội dung về phân loại thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, bảo vệ môi trường làng nghề, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn hộ gia đình, xử lý nước sinh hoạt tập trung, thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật, xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh để thực hiện Chương trình.

- Thực hiện hoặc phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn nông thôn; xử phạt nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường theo thẩm quyền.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên phân bổ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho việc thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường nông thôn trong phạm vi Chương trình; huy động các nguồn lực khác, nhất là vận động doanh nghiệp để tham gia xây dựng các mô hình.

4. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên phân bổ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho việc thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường nông thôn trong phạm vi Chương trình; Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí vốn cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí

đủ ngân sách đối ứng của địa phương cho các đề án, dự án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện trên địa bàn tỉnh; bố trí các nguồn lực huy động khác thực hiện Chương trình.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn các Sở, ban, ngành của tỉnh và các cơ quan liên quan đề xuất thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn phù hợp với điều kiện của tỉnh; các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về ứng dụng, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ tiên tiến, phù hợp, thân thiện với môi trường. Tổ chức thẩm định hoặc có ý kiến về cơ sở khoa học và công nghệ của các dự án đầu tư, các quy hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, đề án khác của tỉnh theo thẩm quyền”.

6. Sở Y tế

Hướng dẫn và triển khai các nội dung về công tác vệ sinh cá nhân; tham mưu xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của tỉnh theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.

7. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long

Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các hộ dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện trong Chương trình được vay vốn triển khai, vốn đối ứng, đóng góp xây dựng các mô hình; nghiên cứu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định nâng mức cho vay theo hộ gia đình để triển khai các nội dung của Chương trình.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền trên môi trường mạng. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn, phát huy hiệu quả của truyền thông đa phương tiện, mạng xã hội và các hình thức truyền thông mới; xây dựng các chương trình chuyên đề, chuyên mục định kỳ về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn, phát sóng định kỳ trên các đài truyền hình, truyền thanh, báo viết, báo điện tử.

Thường xuyên cập nhật, đưa tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay về xây dựng nông thôn mới trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến và nhân rộng.

9. Sở Công Thương

Phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã hướng dẫn và hỗ trợ xây dựng các mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm tại các huyện, các điểm bán thực phẩm đạt tiêu chí vệ sinh an toàn thực phẩm tại các chợ đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân, đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng.

10. Các sở, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan trung ương và các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan tại Kế hoạch này triển khai thực hiện, lồng ghép thực hiện. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng Nông thôn mới cấp tỉnh chỉ đạo các nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Phối hợp báo cáo, đánh giá khi có yêu cầu.

11. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã

Xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch này; bố trí kinh phí theo phân cấp tài chính ưu tiên thực hiện nội dung Chương trình; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan chuyên môn triển khai Chương trình; xây dựng các Chương trình, đề án, dự án, kế hoạch để thực hiện Chương trình này; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ của các Sở, ngành thực hiện ở địa phương.

Phối hợp với các Sở, ban, ngành xây dựng và nhân rộng các mô hình cải tạo cảnh quan theo hướng đa chức năng; tăng cường trồng cây xanh tại các khu vực công cộng, tuyến đường giao thông; gắn xây dựng cảnh quan với phát triển du lịch nông thôn và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

Quy hoạch theo các nội dung có liên quan của Chương trình; bố trí mặt bằng, hạ tầng thiết yếu theo quy định để thuận lợi cho việc triển khai xây dựng mô hình về nước sạch nông thôn, bảo vệ môi trường, di chuyển các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong làng nghề;

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình; đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao năng lực của người dân và cán bộ nông thôn mới các cấp về các nội dung của Chương trình;

Truyền truyền vận động và phát huy vai trò của doanh nghiệp, huy động các nguồn lực khác, nhất là vận động doanh nghiệp để tham gia xây dựng các mô hình; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã truyền truyền vận động cộng đồng dân cư trong việc thực hiện các nội dung của Chương trình.

Giao Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng Nông thôn mới cấp xã kịp thời chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện Chương trình. Giao cán bộ phụ trách nông thôn mới các cấp về nước sạch, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng chức năng và cơ quan chuyên môn liên quan tổ chức thực hiện Chương trình; đồng thời, kịp thời kiểm tra, giám sát, theo dõi, báo cáo kết quả Chương trình.

Thực hiện tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện Chương trình theo yêu cầu của cơ quan trung ương và địa phương theo định. Hàng năm, tổ chức sơ, tổng kết rút kinh nghiệm và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình trong thời gian tiếp theo.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Truyền truyền vận động và phát huy vai trò của doanh nghiệp, đoàn viên, hội viên, cộng đồng dân cư trong việc thực hiện các nội dung của Chương trình; vận động doanh nghiệp đầu tư nguồn lực để tham gia xây dựng các mô hình của Chương trình.

(Đính kèm Phân công nhiệm vụ cho các ngành, lĩnh vực thực hiện Chương trình)

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề mới, khó khăn vướng mắc cần bổ sung, điều chỉnh, chủ động phối hợp đề xuất gửi văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, lĩnh vực thực hiện Chương trình
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì và hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện
1	Tối thiểu 95% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nước sinh hoạt; đảm bảo cấp nước sạch sinh hoạt quy mô hộ gia đình cho các hộ dân tại những khu vực chưa có khả năng tiếp cận với nước cấp tập trung, vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn	Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND cấp huyện	Các Sở Ban, ngành
2	Ít nhất 50% số hộ nông thôn triển khai các giải pháp phân loại chất thải tại nguồn; 88% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý; triển khai 1 mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp tỉnh với công nghệ phù hợp	Sở Tài Nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện	Các Sở Ban, ngành
3	Ít nhất 15% số hộ nông thôn có nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp, hiệu quả; 50% số đơn vị cấp huyện có triển khai mô hình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phi tập trung theo cụm hoặc theo khu vực phù hợp, hiệu quả.	Sở Tài Nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện	Các Sở Ban, ngành
4	Ít nhất 80% chất thải chăn nuôi và 60% phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.	Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND cấp huyện	Các Sở Ban, ngành
5	Có 95% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được thu gom và xử lý theo đúng quy định	Sở Tài Nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện	Các Sở Ban, ngành
6	Có 100% chất thải rắn và 50% nước thải sản xuất của các làng nghề truyền thống được thu gom và xử lý theo quy định.	Sở Tài Nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện	Các Sở Ban, ngành
7	Ít nhất 35% số huyện có đề án cải tạo chất lượng môi trường nước mặt khu vực công cộng và có mô hình xây dựng hoặc	Sở Tài Nguyên và	Các Sở Ban,

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì và hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện
	cải tạo cảnh quan ao hồ.	Môi trường và UBND cấp huyện	ngành
8	Có 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm; 80% số xã có tổ cộng đồng tự quản về vệ sinh an toàn thực phẩm.	Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND cấp huyện	Các Sở Ban, ngành
9	Ít nhất 85% hộ gia đình nông thôn và 95% trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh được xây dựng và quản lý sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn.	Sở Tài Nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện	Các Sở Ban, ngành